

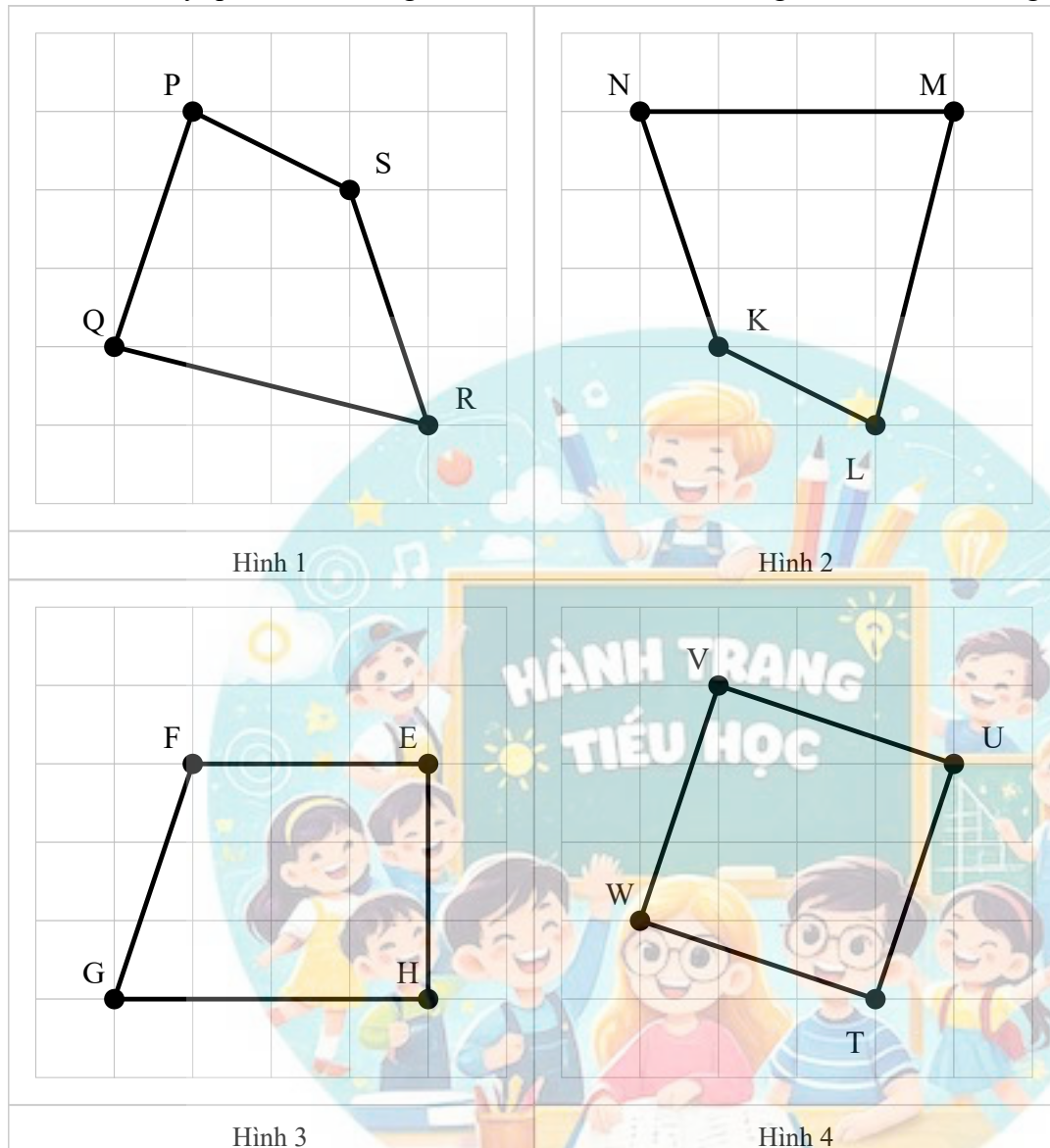
Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 29: LUYỆN TẬP CHUNG

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Em hãy quan sát các tứ giác được vẽ trên lưới ô vuông rồi chọn hình thang đúng.



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 2. Cho ba hình có các số đo cùng đơn vị như sau:

Hình 1 là tam giác có đáy 10dm và chiều cao 8dm.

Hình 2 là hình thang có hai đáy 8dm và 14dm, chiều cao 6dm.

Hình 3 là hình tròn có bán kính 5dm.

Hình nào có diện tích lớn nhất?

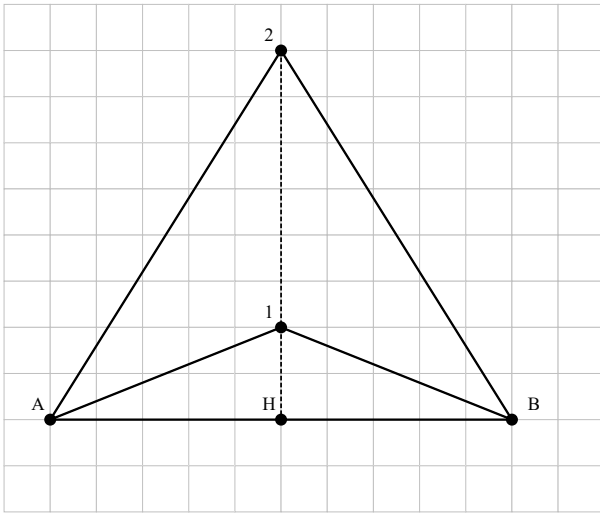
A. Hình 1 (tam giác)

B. Hình 2 (hình thang)

C. Hình 3 (hình tròn)

D. Ba hình có diện tích bằng nhau

Câu 3. Quan sát hình trên lưới ô vuông. Hai tam giác có chung đáy AB ; đỉnh ghi 1 là của tam giác 1, đỉnh ghi 2 là của tam giác 2. Chiều cao của tam giác 2 gấp 4 lần chiều cao của tam giác 1. Chọn kết luận đúng về diện tích của hai tam giác.

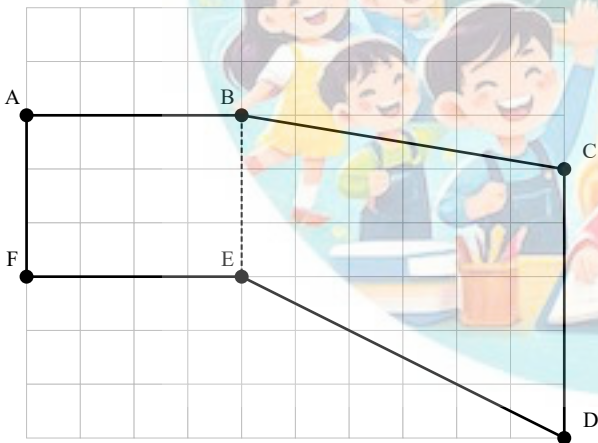


- A. Diện tích tam giác 1 bằng diện tích tam giác 2.
- B. Diện tích tam giác 2 gấp 2 lần diện tích tam giác 1.
- C. Diện tích tam giác 2 gấp 4 lần diện tích tam giác 1.
- D. Diện tích tam giác 1 gấp 4 lần diện tích tam giác 2.

Câu 4. Có hai hình tròn. Bán kính hình tròn thứ hai gấp 5 lần bán kính hình tròn thứ nhất. Chọn kết luận đúng về diện tích hai hình tròn.

- A. Diện tích hình tròn thứ hai gấp $5 \times 5 = 25$ lần diện tích hình tròn thứ nhất.
- B. Diện tích hình tròn thứ hai gấp 5 lần diện tích hình tròn thứ nhất.
- C. Diện tích hình tròn thứ hai gấp $2 \times 5 = 10$ lần diện tích hình tròn thứ nhất.
- D. Diện tích hình tròn thứ hai gấp 24 lần diện tích hình tròn thứ nhất.

Câu 5. Mỗi ô vuông trên lưới có cạnh 1m. Quan sát hình ghép gồm một hình chữ nhật ở bên trái và một hình thang ở bên phải, hai phần không chồng lấn nhau. Diện tích hình ghép là bao nhiêu?



- A. $60m^2$
- B. $36m^2$
- C. $12m^2$
- D. $24m^2$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Nói mỗi tên hình hoặc đại lượng với công thức đúng.

Chu vi hình tròn

$$C = d \times 3,14 : 2 + d$$

Diện tích hình tròn

$$S = (a + b) \times h : 2$$

Chu vi nửa hình tròn

$$S = r \times r \times 3,14$$

Diện tích hình thang

$$C = d \times 3,14$$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống để tìm chiều cao của hình thang.

- a) Hình thang có diện tích $3973,02\text{cm}^2$, đáy lớn 82cm , đáy bé 56cm . Chiều cao là cm.
b) Hình thang có diện tích $355,675\text{dm}^2$, đáy lớn 251dm , đáy bé 96dm . Chiều cao là dm.
c) Hình thang có diện tích $1214,75\text{m}^2$, đáy lớn 79m , đáy bé 34m . Chiều cao là m.
d) Hình thang có diện tích $3667,04\text{cm}^2$, đáy lớn 77cm , đáy bé 27cm . Chiều cao là cm.

Bài 3. Điền diện tích của mỗi hình tròn vào chỗ trống. Sử dụng $3,14$.

- a) Hình tròn có đường kính 84cm . Diện tích hình tròn là cm^2 .
b) Hình tròn có đường kính 42dm . Diện tích hình tròn là dm^2 .
c) Hình tròn có bán kính 171km . Diện tích hình tròn là km^2 .
d) Hình tròn có bán kính $80,5\text{mm}$. Diện tích hình tròn là mm^2 .

Bài 4. Tính diện tích tam giác và hình thang rồi điền dấu thích hợp ($<$, $>$ hoặc $=$) vào chỗ trống.

- a) Tam giác có đáy 32cm , chiều cao 53cm ; hình thang có đáy lớn 22cm , đáy bé 10cm , chiều cao 74cm . Diện tích tam giác ... diện tích hình thang.
b) Tam giác có đáy 137cm , chiều cao 73cm ; hình thang có đáy lớn 83cm , đáy bé 54cm , chiều cao 73cm . Diện tích tam giác ... diện tích hình thang.
c) Tam giác có đáy 19cm , chiều cao 97cm ; hình thang có đáy lớn 11cm , đáy bé 8cm , chiều cao 59cm . Diện tích tam giác ... diện tích hình thang.
d) Tam giác có đáy 411cm , chiều cao 79cm ; hình thang có đáy lớn 304cm , đáy bé 107cm , chiều cao 78cm . Diện tích tam giác ... diện tích hình thang.

Bài 5. Nối mỗi bộ số đo của hình thang với diện tích đúng.

$$a = 12,7 \text{ dm}; b = 17,1 \text{ dm}; h = 13,6 \text{ dm}$$

$$94,525 \text{ dm}^2$$

$$a = 13,3 \text{ dm}; b = 23,4 \text{ dm}; h = 11,6 \text{ dm}$$

$$401,955 \text{ dm}^2$$

$$a = 14,4 \text{ dm}; b = 23,7 \text{ dm}; h = 21,1 \text{ dm}$$

$$34,32 \text{ dm}^2$$

$$a = 13,9 \text{ dm}; b = 22,2 \text{ dm}; h = 18,6 \text{ dm}$$

$$202,64 \text{ dm}^2$$

$$a = 7,8 \text{ dm}; b = 12,1 \text{ dm}; h = 9,5 \text{ dm}$$

$$335,73 \text{ dm}^2$$

$$a = 4,1 \text{ dm}; b = 10,2 \text{ dm}; h = 4,8 \text{ dm}$$

$$212,86 \text{ dm}^2$$

Bài 6. Nối mỗi tên hình hoặc đại lượng với công thức đúng.

Chu vi nửa hình tròn

$$C = d \times 3,14$$

Diện tích hình thang

$$S = r \times r \times 3, 14$$

Diện tích hình tròn

$$C = d \times 3, 14 : 2 + d$$

Chu vi hình tròn

$$S = a \times h : 2$$

Diện tích tam giác

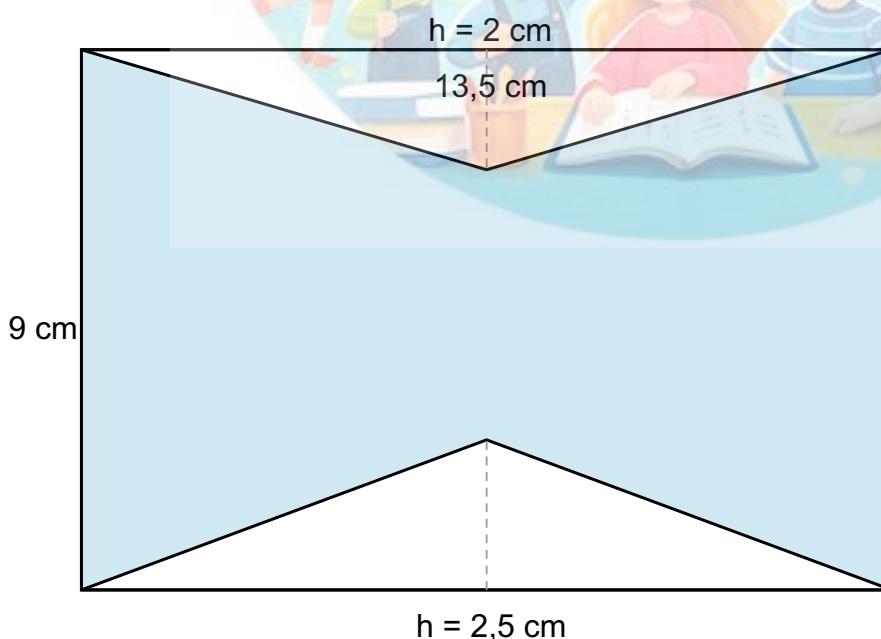
$$S = (a + b) \times h : 2$$

Bài 7. Trình bày lời giải đầy đủ cho bài toán sau.

Một mảnh vườn hình chữ nhật dùng để trồng rau có chu vi là 270m. Tỉ số giữa chiều dài và chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật đó là 2: 1. Tính diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật.

Bài giải

Bài 8. Một mảnh đất hình chữ nhật được khoét bỏ hai phần hình tam giác như hình dưới đây. Tính diện tích phần mảnh đất còn lại.

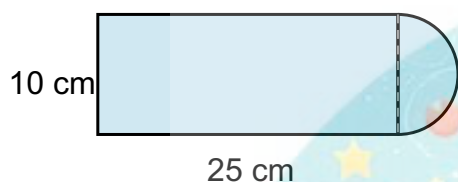


Diện tích phần tô màu = $S = ?$

Trình bày cách tính diện tích phần mảnh đất còn lại.

Bài giải

Bài 9. Quan sát hình ghép dưới đây. Hình gồm một hình chữ nhật và một nửa hình tròn nhô ra ngoài trên một cạnh của hình chữ nhật.



Diện tích phần tô màu = $S = ?$

Tính diện tích toàn bộ hình ghép.

Bài giải

Bài 10. Một thửa ruộng hình thang ở cánh đồng ven làng có đáy lớn dài 85m, đáy bé dài 75m và chiều cao 35m. Cứ 100m^2 ruộng thì thu hoạch được 75kg thóc. Em hãy trình bày lời giải theo từng ý dưới đây.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Dựa vào diện tích vừa tìm được, tính khối lượng thóc thu hoạch được và đổi kết quả sang tấn.

Bài giải

Bài 11. Một sân chơi của trường có dạng hình thang, độ dài hai đáy lần lượt là 28m và 40m, chiều cao là 31m. Người ta dùng các viên gạch hình vuông cạnh 5dm để lát kín mặt sân. Biết không tính mạch vữa và hao hụt.

Hãy trình bày bài giải để tính số viên gạch hình vuông cần dùng để lát kín mặt sân.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

---HẾT---

